

Số: 833/2022/QĐST – VHNGĐ

Ngày: 14 – 6 – 2022

V/v “Yêu cầu công nhận thuận
tình ly hôn”

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên họp: Ông Lê Huỳnh Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 161/2022/TLST-VHNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 2087/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm:

1. Bà Vũ Thị Nguyệt T, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 2347/34 đường PTH, Phường X, Quận Y, Thành phố H, Việt Nam.

2. Ông Long T, sinh năm 1962. (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 40 Madison St, Apt# 8C, New York, NY 10038, USA.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đã được hợp pháp hóa Lãnh sự ngày 20/12/2021, bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Long T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T kết hôn năm 2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 208 ngày 24/10/2018 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H, Việt Nam cấp.

Sau khi kết hôn, do phát sinh mâu thuẫn nên bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Long T không sống chung vợ chồng với nhau. Trong thời gian ông Long T lưu trú tại Việt Nam, bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Long T đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, sau đó ông Long T trở về nước Hoa Kỳ (USA) sinh sống và thỉnh thoảng có liên hệ điện thoại qua lại cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được, ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T có đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến đề nghị: Từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên họp, Thẩm phán đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T về việc thuận tình ly hôn; Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, ý kiến của Kiểm sát viên, nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đây là yêu cầu của đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; ông Long T đang cư trú tại nước Hoa Kỳ (USA) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và người chưa thành niên – Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt tại phiên họp của người yêu cầu ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T:

Ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy trong hồ sơ ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T đã cung cấp lời khai, yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T có mặt tại Tòa án thì Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn giữa hai đương sự theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, hai đương sự đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; do đó, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành mở phiên họp xét yêu cầu của ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T.

Xét nội dung vụ việc và yêu cầu của ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T kết hôn năm 2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 208 ngày 24/10/2018 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H, Việt Nam cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T xác định sau khi kết hôn, do phát sinh mâu thuẫn nên bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Long T không sống chung vợ chồng

với nhau. Trong thời gian ông Long T lưu trú tại Việt Nam, bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Long T đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, sau đó ông Long T trở về nước Hoa Kỳ (USA) sinh sống và thỉnh thoảng có liên hệ điện thoại qua lại với bà Vũ Thị Nguyệt T cho đến nay. Xét thấy, tại thời điểm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T tự nguyện thỏa thuận chấm dứt cuộc sống hôn nhân, khả năng đoàn tụ không có; sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội; không có tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu này của các đương sự vì mục đích nào khác. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T theo quy định tại Điều 19 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên họp; như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Về lệ phí: Ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 372, Điều 396, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 208 ngày 24/10/2018 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H, Việt Nam cấp cho ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án, Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Long T và bà Vũ Thị Nguyệt T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001990 ngày 15/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H, Việt Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPH;
- VKSND.TPH;
- Cục THADS.TPH;
- UBND QY, TPH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức